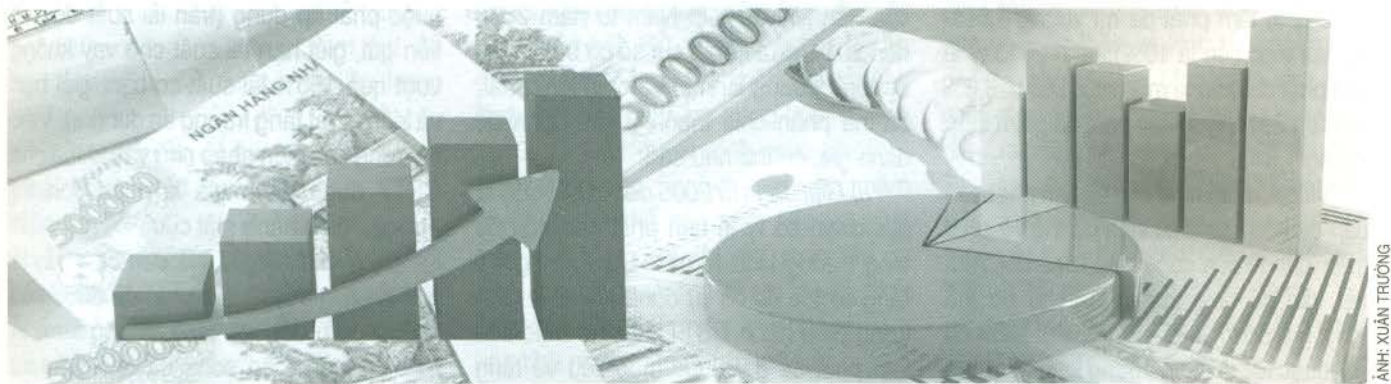




Kiểm soát lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2005 đến nay

NHỮNG GỢI Ý CHÍNH SÁCH CHO GIAI ĐOẠN 2016-2020

NGUYỄN THỊ HIỀN

Việc duy trì mức độ hợp lý và chủ động giữ ở mức mong muốn, không để lạm phát tăng cao hay giảm thấp luôn là vấn đề quan tâm thường nhật trong điều hành chính sách của các ngân hàng trung ương. Tuy nhiên việc xác định thế nào là một mức lạm phát cao và thế nào là một mức lạm phát thấp dường như là khó có thể đi đến sự thống nhất trên diện rộng, do đó trong khuôn khổ của bài viết tác giả lấy mức mục tiêu về lạm phát hàng năm để làm căn cứ phân tích mức lạm phát cao hay thấp. Giả định rằng các mức lạm phát mục tiêu như vậy đã được xác định dựa trên những căn cứ xác đáng và phù hợp với các yêu cầu về phát triển kinh tế của Việt Nam. Do đó, lạm phát thực tế tăng lên trên mức mục tiêu thì được coi là lạm phát cao, và lạm phát thực tế giảm xuống dưới mức mục tiêu thì được coi là lạm phát thấp, trong một tương quan mang ý nghĩa tương đối, nhằm mục đích chủ yếu là đánh giá hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ (có đạt được mục tiêu về ổn định giá cả hay không?).

Thực tế biến động kinh tế của Việt

Nam trong vòng 20 năm qua là những bằng chứng tiêu biểu về tình trạng lạm phát cao cũng như những thành tựu đã đạt được trong quá trình nỗ lực chống và kiểm soát lạm phát thông qua các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Và mặc dù từ năm 2012 đến nay cơ bản lạm phát đã được kiểm chế ở dưới một con số tuy nhiên cho dù lạm phát ở mức thấp được duy trì nhưng không có sự cam kết nào của NHNN về ổn định giá cả thì những kỳ vọng về việc tăng giá luôn luôn tiềm ẩn và có thể quay trở lại gây ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển bền vững kinh tế Việt Nam. Trước những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới, sự phức tạp và những khó khăn trong điều hành CSTT của NHNN, Việt Nam phải làm gì để có thể giữ lạm phát ở mức hợp lý để ổn định và tăng trưởng kinh tế?

1. Lạm phát và quá trình kiểm soát lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2005 đến nay

Sau giai đoạn lạm phát được duy trì ở mức thấp (-0,6% vào năm 2000, tăng lên

4% vào năm 2002 và giảm xuống 3% vào năm 2003), tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam đã tăng mạnh trong năm 2004 (9,4% trong khi mức mục tiêu đặt ra là 5%). Quan sát diễn biến lạm phát ở Việt Nam từ năm 2005 đến nay cho thấy có thể chia thành 2 giai đoạn chính. Từ 2005 đến 2011, tỷ lệ lạm phát diễn biến theo chu kỳ 3 năm một, trong đó cứ 1 năm lạm phát thấp (lạm phát đạt trong mức mục tiêu) thì đến 2 năm lạm phát cao (lạm phát cao hơn mục tiêu). Trong suốt giai đoạn 7 năm (2005 – 2011), chỉ có 2 năm tỷ lệ LPTH đạt được ở mức mục tiêu là năm 2006 và năm 2009. Các năm còn lại đều có tỷ lệ lạm phát cao hơn mục tiêu, trong đó năm 2007, 2008, 2011 tốc độ tăng lạm phát đã lên đến 2 con số. Trong 2 năm 2008 và 2011, mức chênh giữa tỷ lệ LPTH và tỷ lệ LPMT còn tăng lên rất cao. Năm 2008 tỷ lệ lạm phát mục tiêu là 7%, tỷ lệ LPTH là 22,97%, cao hơn mức mục tiêu đến 15,97%. Năm 2011, tỷ lệ LPMT là 7%, tỷ lệ LPTH là 18,52%, cũng cao hơn mức mục tiêu đến 11,52%. Tuy nhiên, từ năm 2012 đến nay, tỷ lệ lạm phát đã dần đi vào ổn định, trong đó, năm

2012 tỷ lệ lạm phát đã hạ xuống 6,81% (so với mục tiêu là 10%), năm 2013 tỷ lệ lạm phát đạt xấp xỉ mức mục tiêu là 6,6% và năm 2014, tỷ lệ lạm phát đã giảm thấp xuống 1,84%.

Việc xác lập mục tiêu về lạm phát cần căn cứ trên các điều kiện cụ thể về phát triển kinh tế của quốc gia. Theo đó, xem xét vấn đề tăng trưởng kinh tế có thể thấy, giai đoạn 2005 – 2007, Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, với tốc độ tăng trưởng GDP luôn đạt trên 8%/năm. Năm 2005, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,4%, xấp xỉ so với chỉ tiêu là 8,5%. Đến hai năm 2006 và 2007, tốc độ tăng trưởng kinh tế thực hiện luôn đạt cao hơn so với tốc độ tăng trưởng kinh tế mục tiêu, đạt 8,17% vào năm 2006 (so với mục tiêu là 8%) và đạt 8,48% vào năm 2007 (so với mức mục tiêu là 8,2). Tuy nhiên bước sang giai đoạn từ năm 2008 trở đi, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã giảm sút rõ rệt. Trong 7 năm từ 2008 đến 2014, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đều chỉ đạt dưới 7%, trong đó cũng chỉ có 2 năm là năm 2008 và năm 2010 là đạt trên 6%, còn lại các năm khác đều có tốc độ tăng trưởng dưới 6%. Hầu hết các năm tốc độ tăng trưởng kinh tế thực hiện đều đạt thấp hơn tốc độ tăng trưởng mục tiêu, trong đó có những năm như năm 2009 tốc độ tăng trưởng thực hiện thấp hơn mục tiêu tới 1,18%, và năm 2012 tốc độ tăng trưởng thực hiện thấp hơn mục tiêu tới 0,97%.

Như vậy, xem xét bức tranh chung

của nền kinh tế Việt Nam từ năm 2005 đến 2014, dựa trên 2 chỉ số cơ bản là tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát, có thể phân chia thành 3 giai đoạn để đánh giá, cụ thể như sau:

(i) *Giai đoạn từ 2005 đến 2007*: Đây là giai đoạn có tỷ lệ lạm phát cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Điều này gợi ý rằng có thể đã có sự đánh đổi nhất định trong điều hành CSTT, hi sinh mục tiêu lạm phát để đạt được mục tiêu về tăng trưởng kinh tế? Có thể thấy CSTT giai đoạn này có những lúc đã chú trọng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát tuy nhiên mục tiêu này không được thực hiện một cách nhất quán, đồng thời các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế luôn được đặt song song.

(ii) *Giai đoạn từ 2008 đến 2011*: Đây là giai đoạn có tỷ lệ lạm phát nhìn chung là cao, biến động mạnh, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế lại giảm sút. Từ đó đặt ra những câu hỏi về những yếu tố đã tác động xấu đến tình hình diễn biến kinh tế Việt Nam cũng như hiệu quả của những biện pháp thực thi CSTT của NHNN. Có thể nói đây là giai đoạn điều hành CSTT ở Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn khi các mục tiêu điều hành liên tục chuyển hướng trong ngắn hạn, mặc dù các công cụ CSTT cũng đã được vận dụng linh hoạt. Điều này dẫn tới việc NHNN đã phải có những bước điều chỉnh mạnh (tăng dự trữ bắt buộc lên tới 11%, tăng giảm các mức lãi suất điều hành nhiều lần trong năm, biên độ điều chỉnh lớn...); nhiều biện pháp mang tính hành chính cũng đã

buộc phải áp dụng (trần lãi suất đối với tiền gửi, giới hạn lãi suất cho vay không vượt quá 150% lãi suất cơ bản, giới hạn và kiểm soát tăng trưởng tín dụng...). Việc áp dụng các biện pháp như vậy khiến cho CSTT được đánh giá là thiếu tính thị trường, “điều hành gặt cứt”.

(iii) *Giai đoạn từ 2012 đến nay*: Đây là giai đoạn mà tỷ lệ lạm phát đã được kéo xuống thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế mặc dù còn thấp song đã cho thấy xu hướng hồi phục. Phải chăng đã có sự thay đổi về chất trong công tác điều hành CSTT khi mà mục tiêu về lạm phát đã liên tục được đảm bảo, duy trì mức lạm phát thấp và hướng tới kiểm soát được lạm phát ở mức thấp và ổn định?

Trong giai đoạn 2012 – 2014, có thể thấy những thay đổi chủ yếu của CSTT so với giai đoạn trước thể hiện ở những điểm sau:

- Thứ nhất, mục tiêu ổn định giá cả được ưu tiên hàng đầu và có thể coi như là mục tiêu duy nhất của CSTT trong giai đoạn này. Việc duy trì mục tiêu ổn định giá cả trong cả 3 năm đảm bảo để CSTT có thể thực hiện nhất quán trong trung hạn, và do vậy, phát huy được hiệu lực chính sách cũng như bước đầu tạo dựng được niềm tin đối với công chúng.

- Thứ hai, mục tiêu trung gian của CSTT đã có xu hướng chuyển từ khối lượng tiền tệ (thể hiện qua tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tốc độ tăng trưởng tín dụng hàng năm) sang mục tiêu lãi suất. Tuy nhiên, các biện pháp điều hành đôi khi vẫn mang tính hành chính thông qua việc khống chế, ấn định mức lãi suất kinh doanh của hệ thống ngân hàng. Do vậy đòi hỏi phải có sự hoàn thiện hơn nữa các công cụ CSTT để có thể điều hành hiệu quả CSTT qua kênh lãi suất.

- Thứ ba, các thông điệp về CSTT được truyền đạt thường xuyên và rõ ràng với sự cam kết chắc chắn từ phía NHNN đã dần tạo dựng được niềm tin của thị trường đối với hiệu quả của CSTT. Trong đó, có thể thấy những cam kết của NHNN thể hiện rõ nét nhất ở 2 chỉ số là lãi suất và tỷ giá, với các cam kết được thể hiện bằng con số rõ ràng, lộ trình thực hiện cụ



Khuôn khổ CSTT của Việt Nam đã bước đầu được chuyển đổi từ đa mục tiêu sang đơn mục tiêu, nhưng mới dừng ở việc hướng tới mục tiêu duy nhất là mục tiêu về giá trị đồng tiền

ANH ĐỨC TRUNG

thể, từng bước thực hiện các mục tiêu ngắn hạn đúng như mức cam kết để hướng tới việc đạt được mục tiêu trong dài hạn.

2. Những vấn đề hạn chế trong quá trình kiểm soát lạm phát của CSTT hiện nay

Việt Nam đã từng bước chuyển từ một khuôn khổ CSTT đa mục tiêu sang khuôn khổ CSTT đơn mục tiêu, tuy nhiên, mục tiêu của CSTT lại được xác định chưa rõ ràng và có khả năng thiếu nhất quán trong dài hạn.

Bắt đầu được quy định từ Luật NHNN 1997, CSTT ở Việt Nam được xác định là “một bộ phận chính sách kinh tế - tài chính của Nhà nước nhằm ổn định giá trị đồng tiền, kiểm chế lạm phát, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và nâng cao đời sống người dân”. Theo đó, CSTT của Việt Nam được hướng tới đa mục tiêu, vừa ổn định giá trị đồng tiền, đồng thời góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đến Luật NHNN 2010, đã có sự thay đổi trong việc xác định khuôn khổ CSTT, theo đó, “CSTT quốc gia là quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra”. Như vậy theo Luật NHNN 2010, đã không còn quy định mục tiêu của CSTT, mà chỉ đề cập đến 2 cấu phần của CSTT bao gồm: quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền (được thể hiện thông qua chỉ tiêu lạm phát hàng năm do Quốc hội quyết định) và quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra. Luật NHNN 2010 đã có sự đổi mới rõ rệt so với Luật 1997 trong việc quy định xác định khuôn khổ CSTT, thể hiện qua việc chỉ đề cập đến một mục tiêu duy nhất là ổn định giá trị đồng tiền bằng chỉ tiêu lạm phát. Các công cụ và biện pháp thực hiện cũng được khẳng định là chỉ để thực hiện mục tiêu đề ra. Song vấn đề này lại không được đề cập ở khía cạnh mục tiêu, mà được đề cập như một cấu phần hành động CSTT- hành động quyết định mục

tiêu ổn định giá trị đồng tiền được thực thi bởi Quốc hội. Bởi vì định nghĩa về ổn định giá trị đồng tiền không được quy định một cách rõ ràng trong Luật NHNN 2010, và việc quyết định mục tiêu lạm phát được tiến hành hàng năm, nằm trong khuôn khổ các mục tiêu về phát triển kinh tế xã hội, do vậy, mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền được quyết định theo cách thức như vậy khó có thể đảm bảo tính nhất quán trong dài hạn.

Có thể thấy khuôn khổ CSTT của Việt Nam đã bước đầu được chuyển đổi từ đa mục tiêu sang đơn mục tiêu, nhưng mới dừng ở việc hướng tới mục tiêu duy nhất là mục tiêu về giá trị đồng tiền (do Quốc hội quyết định) mà không phải là mục tiêu duy trì giá trị đồng tiền ở mức thấp và ổn định như thường thấy theo kinh nghiệm ở các nước. Điều này khiến cho khuôn khổ CSTT phụ thuộc rất nhiều vào việc quyết định định hướng phát triển kinh tế xã hội hàng năm của Quốc hội và điều hành chính sách kinh tế xã hội hàng năm của Chính phủ, điều này chưa giải quyết được các vấn đề về tính độc lập tương đối của CSTT và mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền trong dài hạn.

Thực tiễn điều hành từ năm 2011 đến nay cho thấy, quyết định của Quốc hội và định hướng điều hành hàng năm của Chính phủ đối với mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quyết định hiệu quả điều hành CSTT của NHNN. Từ năm 2012 đến 2014, khi mà mục tiêu kiểm chế lạm phát được Quốc hội đề ra và nhấn mạnh trong mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, việc điều hành CSTT đã có tính thống nhất cao không chỉ trong các biện pháp điều hành CSTT, mà có cả sự thống nhất cả giữa CSTT và các chính sách vĩ mô khác, đặc biệt là CSTK. Do đó, các kết quả điều hành cho thấy, CSTT đã đạt được các mục tiêu đề ra về kiểm soát lạm phát, không những vậy, đã đưa mặt bằng lạm phát về mức thấp và duy trì trong thời gian kéo dài 3 năm, phá vỡ chu kỳ biến động của lạm phát trước đây, góp phần vào ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, từ năm 2015, mục tiêu kiểm chế lạm phát dường như bị coi nhẹ hơn trong mục tiêu

phát triển kinh tế xã hội trước bối cảnh lạm phát hạ thấp và kinh tế tăng trưởng chậm. Bài toán về phát triển cho thấy mặc dù mục tiêu về tăng trưởng bền vững đã được đặt ra song tư duy đánh đổi giữa ổn định lạm phát thấp và tăng trưởng vẫn còn. Điều này sẽ là một trong những thách thức cho công tác điều hành CSTT năm 2015 và những năm tiếp theo.

Mục tiêu điều hành CSTT đã đạt được trong một giai đoạn gần đây, song còn chưa bền vững, hiệu lực của các công cụ CSTT còn chưa cao do khả năng kiểm soát và mối liên hệ giữa các biến còn chưa chặt chẽ, độ trễ chính sách còn dài.

Trên cơ sở phân tích phương thức điều hành CSTT cho thấy, mặc dù đã có những kết quả đáng ghi nhận đối với công tác kiểm soát lạm phát trong 3 năm trở lại đây, song nếu xét cho cả giai đoạn nghiên cứu thì vẫn còn có những tồn tại và hạn chế nhất định. Từ năm 2000 - 2010, hàng năm NHNN phần đầu kiểm soát lạm phát ở mức cụ thể được Quốc hội phê chuẩn dựa trên mục tiêu đã đặt ra trong kỳ chiến lược 2000 - 2010, nhưng trên thực tế thì phần lớn là không đạt được (2004 - 2008). Kết quả điều hành, đặc biệt kể từ năm 2004 đến nay là một minh chứng cụ thể khi mục tiêu chính là lạm phát lại không thực hiện được. Chẳng hạn, năm 2004 và 2005, mục tiêu lạm phát đặt ra là dưới 5% và dưới 6,5%, song kết quả CPI được kiểm soát lại là mức 9,5% và 8,4%. Năm 2010, mục tiêu lạm phát là 7-8% nhưng lạm phát thực tế lại là 11,8%. Mặc dù vậy, những hạn chế này đã không xuất hiện trở lại trong những năm gần đây, công tác điều hành CSTT để kiểm soát NHNN đã đạt được những kết quả nhất định, lạm phát năm 2012 và 2013 và 2014 đều thấp hơn mục tiêu đặt ra. Tuy nhiên, diễn biến hiện tại của lạm phát chưa có đủ cơ sở để khẳng định là bền vững và kết quả điều hành mới chỉ được thể hiện trong 3 năm nên về cơ bản khi xét đến kết quả điều hành của một giai đoạn thì công tác điều hành CSTT của NHNN để đạt được mục tiêu kiểm chế, kiểm soát lạm phát vẫn chưa được đánh giá là thành công. Việc tìm

kiểm một phương thức điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả đối với việc kiểm soát lạm phát vẫn là một vấn đề lớn đối với nền kinh tế.

Công tác kiểm soát lượng tiền cung ứng chưa hiệu quả trong phần lớn thời gian của giai đoạn nghiên cứu (mục tiêu thực hiện thường xuyên vượt xa mục tiêu đề ra) đã ảnh hưởng đến công tác kiểm soát lạm phát của NHNN. Đồng thời, điều đó cũng phản ánh tính gắn kết giữa mục tiêu trung gian, mục tiêu hoạt động với mục tiêu cuối cùng trở nên yếu đi và theo kinh nghiệm của các nước thì đây là lúc cần phải có những đổi mới trong khuôn khổ điều hành CSTT.

3. Một số gợi ý cho giai đoạn 2016 - 2020

Đứng trước những hạn chế của khuôn khổ điều hành CSTT của Việt Nam hiện nay có thể thấy một số vấn đề cơ bản đặt ra là:

- Cần có một mục tiêu duy trì lạm phát ở mức thấp và ổn định được đặt ra một cách mạnh mẽ trong dài hạn đối với CSTT để có thể đảm bảo được tính bền vững của kiểm soát lạm phát. Mục tiêu này không chỉ được thể hiện trong định hướng điều hành chính sách kinh tế - xã hội trong từng năm mà đòi hỏi phải có sự cam kết trong dài hạn để đảm bảo được duy trì xuyên suốt, kéo dài, như là mục tiêu quan trọng nhất của NHTU.

- Trong bối cảnh mà các biến trung gian có mối quan hệ không thực sự mạnh và ổn định đối với biến mục tiêu cuối cùng là lạm phát như ở Việt Nam hiện nay thì khó có thể lựa chọn một khuôn khổ CSTT truyền thống nào lấy khối lượng tiền, lãi suất hay tỷ giá làm biến trung gian để điều hành CSTT. Do vậy, CSLPMT là khuôn khổ CSTT nên được ưu tiên nghĩ đến, với việc tập trung thẳng vào mục tiêu lạm phát của nền kinh tế.

- Kỳ vọng lạm phát là một nhân tố quan trọng quyết định đến sự biến động lạm phát. Ở Việt Nam, mức lạm phát cao biến động mạnh trong lịch sử đã tạo những ấn tượng khiến cho kỳ vọng lạm phát rất dễ thay đổi. Do đó, kiểm soát kỳ vọng lạm phát sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc điều hành CSTT và đạt được

các mục tiêu kiểm soát kỳ vọng lạm phát. Thực tiễn về áp dụng khuôn khổ LPMT tại các quốc gia đã cho thấy sự thành công của CSLPMT trong việc kiểm soát được mức kỳ vọng lạm phát.

- Bối cảnh kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong giai đoạn kinh tế mới sẽ có nhiều thay đổi, trong đó chắc chắn phải kể đến sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính, của hệ thống ngân hàng,... Đồng thời hệ thống mục tiêu điều hành của NHNN cũng đã được xác định rõ ràng hơn. Quán triệt tinh thần các Nghị quyết chỉ đạo của Chính phủ, NHNN đã có sự điều chỉnh linh hoạt thứ tự ưu tiên các mục tiêu trong công tác điều hành CSTT, theo đó kiểm soát lạm phát được xem là mục tiêu xuyên suốt trong trung và dài hạn. Trong ngắn hạn, CSTT vẫn có thể phục vụ thực hiện các giải pháp để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, song vẫn phải đảm bảo mục tiêu trung và dài hạn. Với sự ra đời của Luật NHNN năm 2010 và sự quyết tâm của Chính phủ trong việc kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô theo tinh thần Nghị quyết số 11/NQ - CP ngày 24/2/2011, CSTT từ năm 2011 đến nay đã có sự chuyển biến đáng kể, đóng góp vào mục tiêu kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý và ổn định thị trường tiền tệ cũng như đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD.

Trong tương lai gần, cùng với những kết quả đạt được từ công cuộc tái cơ cấu hệ thống TCTD 2011-2015, thị trường tiền tệ sẽ có bước phát triển mạnh mẽ hơn, các NHTM sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh, mức độ hội nhập sâu hơn, khả năng ứng xử của các thành viên thị trường sẽ có sự thay đổi theo tư duy thị trường, khi đó lãi suất sẽ nhạy cảm với lạm phát và tăng trưởng kinh tế thì việc lựa chọn mục tiêu trung gian là lãi suất phù hợp hơn mục tiêu lượng tiền. Việc điều hành CSTT trở nên phức tạp và đòi hỏi sự linh hoạt và phản ứng nhanh nhạy hơn với sự biến động khôn lường của thị trường. Vì vậy, cần thiết phải từng bước chuyển sang một khuôn khổ điều hành phù hợp với giai đoạn phát triển mới.

Đứng trước những yêu cầu của thực tiễn, việc thay đổi khuôn khổ điều hành

CSTT ở Việt Nam là một yêu cầu bức thiết để có thể đảm bảo được hiệu quả của CSTT trong mục tiêu kiểm soát lạm phát, đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế, đặc biệt là mục tiêu về ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng bền vững. Trong các phiên bản khác nhau của khuôn khổ CSLPMT thì chính sách mục tiêu giá cả linh hoạt là khuôn khổ nên được lựa chọn hơn cả, do các nguyên nhân sau:

- Tính chất linh hoạt khuôn khổ CSTT này đảm bảo có thể cân bằng các mục tiêu trong ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế của Việt Nam vừa đòi hỏi kiểm soát được lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, nhưng vẫn cần hướng tới mục tiêu tăng trưởng để đạt được các bước phát triển đất nước.

- Chính sách mục tiêu giá cả linh hoạt không đòi hỏi thiết lập các phương trình dự báo quá phức tạp, do vậy, phù hợp trong bối cảnh của Việt Nam khi mà chất lượng hệ thống dữ liệu thống kê còn yếu, mối quan hệ giữa các biến trong nền kinh tế (như đã phân tích ở trên) là không thực sự chặt chẽ và ổn định.

- Việc cho phép mức lạm phát hàng năm biến động trong một khuôn khổ nhất định khiến cho uy tín của NHNN có thể được duy trì và gia tăng một cách tốt hơn, nhất là trong bối cảnh mà chất lượng kiểm soát lạm phát ở Việt Nam chưa thật bền vững.

Do đó, trong giai đoạn trước mắt, khuôn khổ CSLPMT theo chính sách mục tiêu giá cả linh hoạt sẽ là lựa chọn tốt đối với Việt Nam. Tuy nhiên, điều này mới chỉ đáp ứng được các yếu tố "cần", trong khi đó, việc hoàn thiện các khả năng áp dụng khuôn khổ này ở Việt Nam mới đáp ứng được các yếu tố "đủ". Vì vậy, chỉ khi nào cả 2 yếu tố này đều được đáp ứng thì mới có thể áp dụng khuôn khổ CSTT này một cách phù hợp với Việt Nam ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- ThS. Nguyễn Thanh Nhân, Áp dụng nguyên tắc Taylor trong việc xác định lãi suất mục tiêu trong điều hành chính sách tiền tệ của Việt nam- Đề tài cấp ngành NHNN 2014

- Thông cáo báo chí NHNN- Kết quả điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2014, định hướng, giải pháp điều hành năm 2015

- Báo cáo kinh tế xã hội các năm 2012, 2013, 2014 của Chính phủ